

NHÌN LẠI MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1991-2010 VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐANG ĐẶT RA

HOÀNG THỊ CHỈNH*

Tái cấu trúc nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng đang là những vấn đề thời sự kinh tế nóng thu hút sự chú ý của nhiều người. Mô hình tăng trưởng kinh tế mà VN đang thực hiện tỏ ra phù hợp ở thời kỳ đầu, đến nay đã không còn phù hợp nữa trước đòi hỏi của nền kinh tế nội tại và những thách thức mới của một nền kinh tế hội nhập trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu. Vậy mô hình tăng trưởng hiện nay có những đặc điểm gì? Hậu quả của nó ra sao? Mô hình tăng trưởng kỳ vọng mang những đặc trưng gì và làm thế nào để thực hiện được nó? Đó là những câu hỏi mà ở một chừng mực nhất định, tác giả muốn chia sẻ trong bài viết này.

Từ khóa: Mô hình tăng trưởng, tái cấu trúc, phát triển bền vững, vốn, lao động, tài nguyên

1. Đặc điểm của mô hình tăng trưởng hiện tại

1.1 Nền kinh tế phát triển theo chiều rộng, dựa vào vốn, lao động và tài nguyên là chính

- Về vốn: Vốn đầu tư cho phát triển kinh tế ở VN tăng liên tục qua các năm thể hiện ở tỷ lệ đầu tư so với GDP. Nếu năm 1990, tỷ lệ đầu tư chỉ là 15,7% thì đến năm 2010 đã tăng lên 41,8% [2, 85]. Hiện nay, so với khu vực và các nước đang phát triển trên thế giới thì VN có tỷ trọng đầu tư so với GDP vào loại cao nhất [1,13].

Theo một nghiên cứu của Viện Khoa học Thống kê thuộc Tổng cục Thống kê [2, 8] thì đóng góp của yếu tố vốn vào tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2001 – 2005 chiếm 57,5%, tăng vốn đầu tư đã làm cho GDP tăng trưởng được 4,32%/năm. Một nghiên cứu khác khi xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011- 2020, các cơ quan chức năng đã đưa ra con số 55% là tỷ trọng đóng góp của vốn vào tăng trưởng kinh tế ở

VN giai đoạn 2006-2010, tức là tăng vốn đã làm cho GDP tăng trưởng 3,86%/năm. Như vậy rõ ràng vai trò của vốn là rất quan trọng trong phát triển kinh tế VN nhiều năm qua.

- Về lao động: VN là nước có nguồn lao động dồi dào và lực lượng lao động này ngày càng tăng, tham gia vào các hoạt động của nền kinh tế mỗi năm. Nếu năm 1991 nước ta chỉ có 28,79 triệu lao động thì đến năm 2010, con số này đã tăng lên và đạt 49,45 triệu người [2, 80 và 8].

Tính bình quân mỗi năm ở VN có khoảng 1 triệu lao động mới tham gia vào guồng máy kinh tế. Bên cạnh đó, tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị ngày càng giảm dần, tỷ lệ sử dụng lao động trong độ tuổi ở nông thôn ngày một cao càng làm tăng lên số lượng lao động. Cũng theo nghiên cứu trên, ở giai đoạn 2001-2005, sự đóng góp của lao động vào tăng trưởng GDP chiếm 20%, tức là tăng lao động đã làm cho GDP tăng 1,5%; tương ứng với 2 con số trên của giai đoạn 2006-2010 là 20% và

1,4%, chứng tỏ sự đóng góp của nhân tố lao động vào GDP là rất đáng kể.

- Về tài nguyên: Nền kinh tế nước ta hiện nay vẫn phụ thuộc nhiều vào khai thác tài nguyên và nguyên liệu thô. Chỉ tính riêng dầu thô đã chiếm hơn 20% trong tổng GDP hàng năm. Việc xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp chưa qua chế biến như: gạo, rau quả, hạt điều, cà phê, chè, hạt tiêu, cao su, khoai mì và sản phẩm từ khoai mì... và các nguyên liệu thô như: dầu thô, than đá, thiếc, bô xít... vẫn chiếm một vị trí quan trọng. Cơ cấu hàng xuất khẩu VN chậm thay đổi qua nhiều năm. Cho đến nay các mặt hàng này vẫn còn chiếm tỷ trọng khá cao trong tổng kim ngạch xuất khẩu.

1.2 Nền kinh tế có chất lượng tăng trưởng rất thấp

Tuy nhiên, nếu xét về chất lượng tăng trưởng thì nền kinh tế VN còn bộc lộ rất nhiều điểm yếu, chưa đảm bảo tăng trưởng bền vững, thể hiện:

- Nền kinh tế kém hiệu quả ở mọi nơi, mọi cấp độ.

Trong việc sử dụng vốn, chỉ số ICOR nói lên mối quan hệ giữa đầu tư và tăng trưởng kinh tế thì ngày một tăng, tức là càng ngày chúng ta càng phải bỏ ra nhiều vốn hơn để có một phần trăm tăng trưởng GDP (Bảng 2).

Rõ ràng hiệu quả sử dụng vốn đầu tư trong nền

Bảng 1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của VN giai đoạn 1991-2010 (%)

Năm	Tốc độ tăng GDP	Năm	Tốc độ tăng GDP	Năm	Tốc độ tăng GDP
1991	5,81	1998	5,76	2005	8,44
1992	8,70	1999	4,77	2006	8,23
1993	8,08	2000	6,80	2007	8,46
1994	8,83	2001	6,90	2008	6,31
1995	9,54	2002	7,08	2009	5,32
1996	9,34	2003	7,34	2010	6,78
1997	8,15	2004	7,79		

Nguồn: Kinh tế 2010-2011: VN và Thế giới

Phát triển theo chiều rộng như trên cũng đã tạo ra sự tăng trưởng tương đối khá qua các năm (Bảng 1). Trừ những năm 1998-1999 do hậu quả của cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ ở Đông Nam Á (1997) và những năm 2008-2009 do tác động của cuộc khủng hoảng tài chính thế giới (2007) mà tốc độ tăng trưởng kinh tế VN có giảm sút, còn nhìn chung trong những năm qua nền kinh tế VN có tốc độ tăng trưởng tương đối cao và khá ổn định.

kinh tế thấp và ngày càng giảm sút.

Trong việc sử dụng lao động, chất lượng sử dụng yếu tố sản xuất quan trọng này cũng tỏ ra rất thấp thể hiện qua một chỉ tiêu, đó là năng suất lao động. Mặc dù tính theo giá so sánh, năng suất lao động có tăng qua các năm nhưng còn ở mức độ rất thấp so với các nước khác trong khu vực. Thí dụ, nếu lấy năng suất lao động của VN là 1 thì của Indonesia là 1,24, của Philippines là 2,68 và Thái Lan là 6,15...[3,103]

Nền sản xuất kém hiệu quả còn thể hiện ở chi phí sản xuất cao tính trên một đơn vị sản phẩm.

Bảng 2. Chỉ số ICOR của VN qua các năm

Năm	Chỉ số ICOR	Năm	Chỉ số ICOR	Năm	Chỉ số ICOR
1991	3,0	1998	4,7	2005	4,9
1992	2,6	1999	5,5	2006	5,1
1993	3,7	2000	5,1	2007	5,5
1994	3,4	2001	5,2	2008	6,6
1995	3,1	2002	5,3	2009	8,0
1996	3,1	2003	5,4	2010	6,2
1997	3,8	2004	5,2		

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Niên giám thống kê 2009 và Kinh tế 2010-2011: VN và thế giới

Đặc biệt hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước thấp hơn nhiều so với doanh nghiệp của các thành phần kinh tế khác, nhiều doanh nghiệp thua lỗ kéo dài. Tỷ suất lợi nhuận trước thuế của nhiều doanh nghiệp rất thấp như: Tổng công ty vật liệu xây dựng chỉ đạt 0,18; Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy là 0,42; Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4 là 0,45; Tổng công ty Dệt may VN là 0,8 [4, 29] v.v..

- Năng lực cạnh tranh kém ở cả 3 giác độ: quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm.

+ Về phía quốc gia, theo đánh giá của Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) thì mặc dù nền kinh tế

VN đã gặt hái được những thành công nhất định nhưng năng lực cạnh tranh còn khá thấp. Năm 2010, năng lực cạnh tranh của VN đã được cải thiện hơn thể hiện thứ hạng được tăng lên 16 bậc nhưng vẫn còn thấp hơn so với nhiều nước khác trong khu vực (Bảng 3).

Xét tổng thể trong 3 năm gần đây, năng lực cạnh tranh của VN đứng thứ 11/13 nước Đông Á (Myanmar và Lào không được xếp hạng), chỉ hơn được Philippines và Campuchia.

Theo đánh giá của WEF thì có 5 yếu tố hạn chế nhiều nhất đến môi trường kinh doanh của VN, làm giảm năng lực cạnh tranh, đó là: bộ máy hành

Bảng 3. Thứ hạng năng lực cạnh tranh của VN và một số nước trong khu vực

Nước	2008	2009	2010	Nước	2008	2009	2010
1. Singapore	5	3	3	7. Trung Quốc	30	29	27
2. Nhật	9	8	6	8. Brunei	39	32	28
3. Hồng Kông	11	11	11	9. Thái Lan	34	36	38
4. Đài Loan	17	12	13	10. Indonesia	55	54	44
5. Hàn Quốc	13	19	22	11. VN	70	75	59
6. Malaysia	21	24	26	12. Philippines	71	87	85
				13. Campuchia	109	110	109

Nguồn: The Global Competitiveness Report 2010-2011, ©2010 World Economic Forum

chính kém hiệu quả, tham nhũng, thiếu hạ tầng kỹ thuật, thiếu lao động có kỹ năng, và khả năng tiếp cận tài chính còn yếu.

+ Ở giác độ doanh nghiệp, năng lực cạnh tranh của VN cũng rất thấp do đa phần là các doanh nghiệp có quy mô nhỏ, vốn ít, trình độ công nghệ kém, năng lực quản lý yếu... Nếu lấy tỷ suất lợi nhuận so với vốn và so với doanh thu làm một trong những chỉ tiêu để đánh giá năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp thì chỉ số này là rất thấp, đặc biệt đối với các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân trong nước.

+ Ở giác độ sản phẩm, năng lực cạnh tranh của VN cũng thấp, kể cả sản phẩm tiêu dùng trong nước và sản phẩm để xuất khẩu ra nước ngoài. Đối với hàng hóa sản xuất để tiêu dùng trong nước thì chất lượng sản phẩm kém, giá cả còn cao, khó

Trước hết nói về chuyển dịch cơ cấu theo ngành. Trong 20 năm qua, cơ cấu ngành của VN đã có những chuyển biến tích cực theo hướng giảm tỷ trọng đối với ngành nông nghiệp, gia tăng tỷ trọng đối với ngành công nghiệp và dịch vụ. Xu hướng chuyển dịch này là phù hợp với yêu cầu về CNH-HĐH nhưng tốc độ chuyển dịch còn chậm. Đặc biệt, ngành dịch vụ là rất quan trọng trong phát triển kinh tế của một quốc gia, nó phản ánh trình độ phát triển kinh tế của đất nước thì ở VN, ngành này còn chiếm một tỷ lệ khiêm tốn và lại đang có xu hướng giảm dần qua các năm. Nếu năm 1995, dịch vụ còn chiếm 44,06% trong cơ cấu GDP thì đến năm 2010 con số đó chỉ còn là 38,33% [2, 82]. Bên cạnh đó, chuyển dịch cơ cấu lao động diễn ra còn chậm chạp, chưa tương xứng với chuyển dịch cơ cấu GDP (Bảng 4).

Bảng 4. Chuyển dịch cơ cấu lao động theo các ngành kinh tế (%)

Năm	Nông nghiệp	Công nghiệp	Dịch vụ	Năm	Nông nghiệp	Công nghiệp	Dịch vụ
1990	73,0	11,2	15,8	2007	53,9	20,0	26,1
1995	71,3	11,4	17,4	2008	52,6	20,8	26,6
2000	65,1	13,1	21,8	2009	51,9	21,6	26,5
2005	57,1	18,2	24,6	2010	48,2	22,4	29,4
2006	55,4	19,3	25,3				

Nguồn: Kinh tế 2010-2011, VN và thế giới

có thể cạnh tranh được với hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài. Theo Ủy ban quốc gia về hội nhập kinh tế quốc tế [3, 115] thì giá hàng công nghiệp sản xuất trong nước cao hơn từ 30-40% so với giá hàng công nghiệp của các nước trong khu vực. Đối với hàng hóa xuất khẩu của VN, năng lực cạnh tranh cũng rất thấp do nhiều nguyên nhân như: nguyên liệu chủ yếu phải nhập khẩu, sản xuất gia công là chính; khâu thiết kế mẫu mã còn yếu, chưa có thương hiệu ...

- Chuyển dịch cơ cấu chậm chạp, thiếu đồng bộ.

Theo xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành nói trên, cơ cấu đầu tư cũng chuyển dịch một cách tương ứng, tức là đầu tư cho nông nghiệp giảm, đầu tư cho công nghiệp và dịch vụ tăng. Nếu năm 1991, đầu tư cho nông nghiệp còn chiếm tỷ trọng 12,42%; cho công nghiệp chiếm 30,86%; và cho dịch vụ chiếm 56,72% thì đến năm 2009 những con số tương ứng là: 6,3%; 40,6% và 53,1% [2, 85]. Một trong những vấn đề đang đặt ra trong cơ cấu đầu tư là tỷ trọng đầu tư cho nông nghiệp còn khá thấp và lại giảm mạnh trong những năm qua, chưa tương xứng với sự đóng góp của ngành vào

GDP, vì thế chưa khai thác hết lợi thế sản xuất nông nghiệp của VN.

Theo thành phần kinh tế, cơ cấu cũng đã có những chuyển biến tích cực theo hướng giảm tỷ trọng của thành phần kinh tế quốc doanh, của thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, nhưng có sự gia tăng đáng kể của thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Nếu năm 1995 cơ cấu các thành phần kinh tế theo thứ tự: quốc doanh, ngoài quốc doanh và có vốn đầu tư nước ngoài trong GDP lần lượt là: 40,18%; 53,52% và 6,30% thì đến năm 2010 các con số tương ứng là 33,74%; 47,54% và 18,72% [2, 82].

Từ chỗ chưa đóng góp gì cho nền kinh tế vào đầu những năm 90 thì hiện nay thành phần FDI đã chiếm gần 20 % trong tổng GDP của VN. Mặc dù, nhìn tổng thể thì tỷ trọng của thành phần kinh tế ngoài quốc doanh có xu hướng giảm nhưng thực ra chỉ có kinh tế tập thể và kinh tế cá thể giảm còn tỷ trọng kinh tế tư nhân lại có xu hướng tăng lên qua các năm. Nếu trước năm 1990, kinh tế tư nhân hầu như chưa có gì thì đến năm 1995, kinh tế tư nhân đã chiếm 7,4% trong GDP và đến năm 2009 con số đó đã đạt 11,02% [2, 82]. Sự gia tăng tỷ trọng của kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đồng thời giảm tỷ trọng của kinh tế quốc doanh, kinh tế cá thể và kinh tế tập thể chứng tỏ kinh tế VN cũng đã chuyển dịch cơ cấu một cách tích cực theo hướng đa dạng hóa các thành phần kinh tế, coi trọng kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để khai thông năng lực sản xuất trong nước, tận dụng lợi thế kinh doanh của kinh tế tư nhân nước ngoài.

Tuy đạt được những kết quả nhất định trong chuyển dịch theo các thành phần kinh tế nhưng nhìn chung tốc độ còn chậm, các thành phần kinh tế chưa phát huy hết tiềm năng, chưa tạo được mặt bằng cạnh tranh công bằng giữa các thành phần kinh tế, kinh tế quốc doanh tuy chiếm tỷ trọng cao trong tổng vốn đầu tư lại được hưởng nhiều ưu đãi nhưng hiệu quả kinh doanh còn thấp, chưa phát

huy được vai trò chủ đạo của mình trong nền kinh tế. Giữa các thành phần kinh tế thiếu sự liên kết, hợp tác để cùng nhau phát triển.

Về chuyển dịch cơ cấu theo vùng, VN cũng đã có những thành tựu nhất định trong việc chuyển sản xuất công nghiệp từ một số đô thị đông dân sang các tỉnh lân cận có giá nhân công rẻ hơn, có nhiều đất đai hơn để xây dựng các nhà máy, khu công nghiệp. Ngoài ra, để giảm bớt sự chênh lệch trong phát triển kinh tế giữa các vùng, Chính phủ cũng đã thực thi một số chính sách hỗ trợ cho các vùng sâu, vùng xa, các xã nghèo... Tuy vậy, liên kết vùng chưa được quan tâm đúng mức, quy hoạch vùng chưa được thực thi, tình nào cũng có sân bay, bến cảng, sân gôn... vẫn còn đó sự chênh lệch khá lớn về trình độ phát triển kinh tế giữa các vùng.

- Các vấn đề xã hội, môi trường còn nhiều bất cập.

Nhờ tốc độ phát triển kinh tế tương đối cao và ổn định, thu nhập bình quân đầu người tăng lên. Nếu năm 1991, GDP/người chỉ 118 USD thì đến năm 2010 đã tăng lên gần 10 lần và đạt 1.168 USD [2, 83]. Mặc dù, trong những năm qua, VN được biết đến như là một quốc gia đang phát triển có thành tích lớn trong việc xóa đói giảm nghèo. Nếu năm 1997, tỷ lệ nghèo đói ở VN là 26,2% thì đến năm 2010, tỷ lệ này chỉ còn 10,4% [2, 94]. Tuy nhiên, thu nhập của người dân VN còn có sự chênh lệch khá cao giữa các vùng. Vùng Tây Bắc chỉ chiếm 3% dân số của cả nước nhưng chiếm tới 9% số người nghèo đói của VN; vùng cao nguyên Trung Bộ và duyên hải Bắc Trung Bộ có tới 1/3 dân số thuộc diện nghèo [3, 122]. Ngoài ra, thu nhập của người dân cũng có sự chênh lệch giữa thành thị và nông thôn; giữa nhóm người thu nhập thấp nhất với nhóm người thu nhập cao nhất và chênh lệch này đang có xu hướng ngày càng giãn ra. Theo điều tra mới nhất của Tổng cục Thống kê về mức sống hộ dân cư năm 2010, kết hợp với các điều tra các năm trước đó thì chỉ số Gini càng tăng

và tiêu chuẩn 40% của WB ngày càng giảm và chênh lệch giữa nhóm thu nhập cao nhất và nhóm thu nhập thấp nhất cũng càng tăng, chứng tỏ có sự chênh lệch về thu nhập giữa các tầng lớp dân cư và xu hướng này ở VN ngày càng tăng lên (Bảng 5).

được bao nhiêu và còn có xu hướng ngày càng ô nhiễm nặng thêm. Môi trường bị ô nhiễm, nhiều bệnh hiểm nghèo xuất hiện, sức khỏe suy giảm, càng làm ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống của người dân.

Bảng 5. Chỉ số Gini và tiêu chuẩn 40% của VN qua các năm

Năm	Chỉ số Gini	Tiêu chuẩn 40	Nhóm thu nhập cao nhất/Nhóm thu nhập thấp nhất
1999	0,390	18,70	7,65
2002	0,420	17,98	8,10
2004	0,420	17,40	8,34
2006	0,424	17,40	8,40
2008	0,430	16,40	8,90
2010	0,433	15,00	

Nguồn: Khảo sát mức sống hộ dân cư 2010 của Tổng cục Thống kê 29/6/2011 và Kinh tế 2010-2011: VN và thế giới

Mặc dù gần đây, VN được Liên Hiệp Quốc đưa ra khỏi danh sách những nước nghèo và đưa vào nhóm các nước có thu nhập trung bình song nhìn chung đa số người dân VN vẫn sống trong những ngôi nhà chật hẹp, thiếu thốn tiện nghi, tỷ lệ chết của trẻ em sơ sinh còn cao, tỷ lệ suy dinh dưỡng cũng cao, nhiều trẻ em không được cấp sách đến trường, tỷ lệ bỏ học ngày càng tăng... Tất cả cho thấy chất lượng cuộc sống còn rất kém, chất lượng tăng trưởng không cao.

Chất lượng tăng trưởng kinh tế của VN trong những năm qua rất thấp còn thể hiện khá rõ ở môi trường sinh thái bị hủy hoại, ô nhiễm môi trường đang là một trong những vấn nạn của quốc gia. Do chạy theo tốc độ tăng trưởng kinh tế, phát triển theo chiều rộng nên ít chú ý đến việc bảo vệ môi trường ngay từ đầu. Mặc dù Chính phủ VN cũng đã triển khai những hoạt động bảo vệ môi trường như: trồng cây gây rừng, mở rộng diện tích có rừng che phủ, thực hiện các chương trình nước sạch ở nông thôn, tăng cường thu gom chất thải ở các đô thị... nhưng hiệu quả của những hoạt động này còn rất thấp, môi trường ở VN chưa cải thiện

2. Đặc điểm của mô hình tăng trưởng mới

Rõ ràng nền kinh tế không thể phát triển mãi theo chiều rộng vì không thể đảm bảo chất lượng tăng trưởng và phát triển bền vững. Hơn nữa các yếu tố tạo nên sự tăng trưởng là vốn, lao động, tài nguyên đều có giới hạn không thể gia tăng mãi được.

Vậy mô hình tăng trưởng kinh tế mới có những đặc điểm gì?

- Trước hết, nền kinh tế phải phát triển theo chiều sâu. Nếu xét ở góc độ các yếu tố đầu vào thì tăng trưởng kinh tế phụ thuộc vào 3 yếu tố sau, đó là: vốn; lao động và năng suất nhân tố tổng hợp. Với mô hình tăng trưởng kinh tế theo chiều rộng, đầu vào chủ yếu là vốn và lao động, còn với mô hình tăng trưởng kinh tế theo chiều sâu, đầu vào chủ yếu là dựa vào năng suất nhân tố tổng hợp. Năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) là đại lượng chỉ ra hiệu quả sử dụng các yếu tố đầu vào như vốn (thông qua năng suất vốn); như lao động (thông qua năng suất lao động); đồng thời có tính đến sự ứng dụng của khoa học công nghệ ...

Trong những năm qua, ở VN sự đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp vào tăng trưởng còn rất khiêm tốn, chỉ khoảng 20- 25%, tức là do tăng năng suất nhân tố tổng hợp đã làm cho GDP tăng trưởng 1,69% (2001-2005) và 1,75 % (2006 - 2010) [2, 9]. Rõ ràng nền kinh tế muốn phát triển theo chiều sâu, nhân tố TFP phải có vai trò quan trọng hơn, chiếm tỷ trọng cao hơn nữa trong các yếu tố cấu thành tăng trưởng kinh tế. Trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020, Chính phủ đặt mục tiêu tỷ trọng của nhân tố TFP phải đạt 31-32% vào năm 2015 và 35% vào năm 2020 [2,10].

- Mô hình mới phải đảm bảo nâng cao chất lượng của sự tăng trưởng. Cụ thể ở mô hình này hiệu quả sản xuất kinh doanh phải cao; chuyển dịch cơ cấu phải nhanh, toàn diện và hợp lý; tính cạnh tranh của nền kinh tế phải cao; và đặc biệt là phải giải quyết được các vấn đề xã hội và môi trường.

- Mô hình tăng trưởng mới phải đảm bảo được tính phát triển bền vững, giải quyết được các cân đối vĩ mô, tránh được những cú sốc từ bên ngoài, hội nhập vào nền kinh tế thế giới nhưng phải dành thể chủ động để đối phó được với những diễn biến xấu tác động từ nền kinh tế thế giới...

3. Giải pháp thực hiện

Vậy làm thế nào để áp dụng mô hình tăng trưởng mới? Việc áp dụng mô hình này chính là làm tăng chất lượng của tăng trưởng, đó là:

- **Thứ nhất**, phải tăng hiệu quả sử dụng các yếu tố đầu vào là vốn và lao động, đồng thời thúc đẩy mạnh mẽ việc ứng dụng khoa học công nghệ vào quá trình sản xuất.

Một mặt, vừa tăng cường thu hút vốn đầu tư từ mọi nguồn, trong đó nguồn vốn trong nước là rất quan trọng, mặt khác phải thay đổi dần cơ cấu nguồn vốn theo hướng giảm nguồn vốn của Nhà nước, tăng nguồn vốn khu vực ngoài nhà nước, giữ vững tỷ trọng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Riêng nguồn vốn thông qua viện trợ phát triển chính thức (ODA) cũng không nên tăng nhiều vì gánh nặng nợ nần và nhiều tiêu cực. Dù bất cứ nguồn vốn nào thì điều quan trọng nhất vẫn là phải nâng cao hiệu quả sử dụng nó. Muốn vậy phải phải xây dựng được chiến lược đầu tư, tập trung vào các mục tiêu trọng điểm, hết sức tránh đầu tư dàn trải và đặc biệt là đầu tư thiếu đồng bộ dẫn đến sử dụng không hết công suất của các dự án đầu tư, gây lãng phí lớn. Nâng cao hiệu quả đầu tư còn nằm ngay trong chính khâu xét duyệt, thẩm định và tổ chức đấu thầu. Đặc biệt là đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài, cần tập trung thu hút các dự án sử dụng công nghệ nguồn có hàm lượng chất xám cao, công nghệ sạch để không gây ô nhiễm môi trường. Phải kiên quyết xử phạt nghiêm khắc với những dự án gây ô nhiễm môi trường, cần có cơ chế chống được nạn “chuyển giá” nhử nhồi của đa số các doanh nghiệp FDI trong thời gian qua.

Phải coi lao động là yếu tố quan trọng nhất, thể hiện nội lực của quốc gia, vốn có thể thu hút, công nghệ có thể mua được nhưng con người thì không thể. Muốn sử dụng được hiệu quả nguồn vốn, nắm bắt và làm chủ được công nghệ thì đòi hỏi phải có con người mà con người đó phải là con người có trình độ, có kỹ năng và có tri thức. VN hiện nay đang bước vào thời kỳ cơ cấu dân số “vàng”, nếu biết khai thác cơ hội này thì yếu tố lao động sẽ góp phần đáng kể vào việc tăng trưởng kinh tế. Chỉ tiêu quan trọng nhất để đánh giá hiệu quả sử dụng lao động chính là năng suất lao động. Do đó, một trong những vấn đề cấp bách để có thể chuyển sang mô hình tăng trưởng kinh tế mới là phải tìm mọi cách để tăng năng suất lao động. Tăng năng suất lao động có tác dụng tích cực nhiều mặt không những làm tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm mà còn tạo ra sức mua lớn một khi tiền lương tăng có tác dụng kích cầu. Muốn tăng năng suất lao động phải giải quyết nhiều vấn đề như nâng cao trình độ chuyên môn

của người lao động, chuyển dịch mạnh cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ, tăng quy mô tổng sản phẩm quốc nội...

Nâng cao trình độ công nghệ trong các doanh nghiệp phải được coi là một trong những giải pháp căn cơ để thúc đẩy kinh tế tăng trưởng theo chiều sâu. Muốn vậy, Nhà nước phải có những chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, áp dụng những công nghệ mới có hàm lượng chất xám cao, có giá trị gia tăng cao để tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường thế giới. Nhà nước cần đầu tư nhiều hơn nữa cho công tác nghiên cứu và phát triển, tạo cơ chế liên kết giữa các trường, viện, các cơ sở nghiên cứu với các doanh nghiệp. Với doanh nghiệp FDI cần khuyến khích họ áp dụng những công nghệ mới thông qua các chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng, lãi suất và các chính sách tài chính tiền tệ khác, tạo điều kiện để các doanh nghiệp này liên kết với các doanh nghiệp trong nước, đặc biệt là với các tổ chức nghiên cứu khoa học trong nước để đổi mới công nghệ... Muốn đổi mới công nghệ, áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất đòi hỏi phải có một đội ngũ lao động biết sử dụng và làm chủ được công nghệ, do đó đào tạo được nguồn nhân lực có chất lượng cao vẫn là giải pháp quan trọng nhất trong các giải pháp để áp dụng mô hình tăng trưởng kinh tế mới mà trong khuôn khổ bài viết này tác giả chưa có điều kiện để phân tích sâu hơn

- **Thứ hai**, nâng cao khả năng cạnh tranh trên cả ba giác độ: quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm.

Ở giác độ quốc gia, phải giải quyết hàng loạt vấn đề được coi là những yếu tố cản trở nhiều nhất đến năng lực cạnh tranh của VN đã được các chuyên gia trong và ngoài nước cảnh báo, đó là bộ máy quản lý kém hiệu quả, tham nhũng, thiếu hạ tầng kỹ thuật, thiếu lao động có kỹ năng, và khả năng tiếp cận tài chính còn kém. Nghiên cứu cụ thể mỗi yếu tố này để đề xuất được những giải pháp hữu hiệu là cả những đề tài khoa học lớn cần

có sự đầu tư của Chính phủ. Ở giác độ vi mô, để nâng cao năng lực cạnh tranh các doanh nghiệp cần phải nghiên cứu đầu tư đổi mới công nghệ, coi trọng công tác tiếp thị, hoàn thiện bộ máy quản lý và nâng cao chất lượng nguồn lao động. Để hàng hóa xuất khẩu có thể cạnh tranh được trên thị trường thế giới, cần đầu tư vào các khâu thiết kế mẫu mã, chuyển từ hình thức gia công sang hình thức tự doanh, phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ, tận dụng tối đa những nguyên liệu sẵn có trong nước để giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành. Thực tế cho thấy, sản phẩm của VN giá thành cao còn là do phải chi quá nhiều cho những khoản "tiêu cực phí". Do vậy, một trong những giải pháp để làm tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm VN cần thiết phải nghiêm túc thực hiện nguyên tắc công khai, minh bạch, chi đúng, chi đủ. Để làm được công việc này cần có sự quyết tâm của các đơn vị, cơ quan công quyền, phải kiên quyết nói không với tiêu cực.

- **Thứ ba**, chuyển dịch cơ cấu nhanh, toàn diện và hợp lý, gắn với tái cấu trúc nền kinh tế.

Để thực hiện được mô hình tăng trưởng kinh tế mới, cần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhanh hơn nữa và đồng bộ hơn. Đối với cơ cấu ngành thì phải chú ý đến việc gia tăng nhanh hơn tỷ trọng của ngành dịch vụ, đầu tư nhiều hơn nữa vào ngành nông nghiệp. Chuyển dịch cơ cấu ngành phải gắn liền với chuyển dịch cơ cấu lao động. Trong chuyển dịch cơ cấu ngành phải chú ý đến chuyển dịch cơ cấu trong nội bộ ngành theo hướng tập trung vào những tiểu ngành có giá trị gia tăng cao. Đồng thời phải chú ý đến tính liên kết giữa các ngành công nghiệp với nông nghiệp, công nghiệp với dịch vụ và dịch vụ với nông nghiệp. Về thành phần kinh tế, chuyển dịch cơ cấu phải chuyển nhanh theo hướng giảm tỷ trọng của doanh nghiệp nhà nước, tăng tỷ trọng của doanh nghiệp ngoài nhà nước và giữ vững tỷ trọng doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Tiến trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước mấy năm

nay chứng hẳn lại một phần do thị trường chứng khoán đóng băng. Nhà nước cần có những giải pháp khởi động lại thị trường này; về chuyển dịch cơ cấu vùng cần làm tốt công tác quy hoạch, phát huy tối đa lợi thế so sánh của mỗi vùng, tránh phát triển trùng lặp đồng thời tăng tính liên kết giữa các vùng.

Chuyển dịch cơ cấu gắn liền với tái cấu trúc nền kinh tế. Tái cấu trúc nền kinh tế là một vấn đề mà các học giả kinh tế VN đang rất quan tâm hiện nay. Thực ra, tái cấu trúc nền kinh tế mang một nội hàm khá rộng, bao quát mọi mặt hoạt động của nền kinh tế cần phải cơ cấu lại như: ngành, doanh nghiệp, thị trường, thể chế, nguồn nhân lực, vốn đầu tư.... Muốn thực hiện mô hình tăng trưởng mới phải tái cấu trúc nền kinh tế.

- **Thứ tư**, giải quyết được các vấn đề xã hội, môi trường.

Đây được coi là nội dung quan trọng nhất thể hiện chất lượng của sự tăng trưởng, mục tiêu cuối cùng của sự phát triển bền vững, một đặc trưng cơ bản của mô hình tăng trưởng kinh tế mới.

Giải quyết vấn đề xã hội trước hết là giải quyết được công ăn việc làm cho người lao động, giảm dần tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị, tăng thời gian sử dụng lao động ở nông thôn. Muốn vậy phải đa dạng hóa các thành phần kinh tế, phát triển mạnh loại hình doanh nghiệp ngoài quốc doanh, khôi phục lại những ngành nghề truyền thống ở nông thôn, phát triển mạnh hơn nữa các ngành dịch vụ trong nông nghiệp để thu hút lao động.

Bên cạnh đó, để giảm bớt sự chênh lệch về thu nhập, đời sống dân cư đòi hỏi Chính phủ phải sử dụng có hiệu quả các công cụ như pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, các công cụ tài chính – tiền tệ, hoàn thiện hệ thống thù lao lao động, bảo hiểm, trợ cấp... để điều tiết lại phân phối thu nhập.

Để nâng cao trình độ dân trí, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần, Chính phủ cần đầu tư nhiều hơn nữa vào cơ sở hạ tầng, đặc biệt là hệ thống giao

thông vận tải, điện, nước, hệ thống thông tin liên lạc, giáo dục, y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng... nhất là những vùng sâu vùng xa, vùng dân tộc thiểu số.

Giải quyết được vấn đề xã hội là kiểm soát được vấn đề gia tăng dân số, giảm thiểu các tệ nạn xã hội như xì ke, ma túy, mại dâm, tội phạm ... Muốn vậy, Chính phủ cần có những giải pháp triệt để hơn nữa. Ngoài biện pháp về hành chính cần sử dụng các biện pháp về kinh tế đi đôi với giáo dục, động viên, tuyên truyền...

Ở mô hình tăng trưởng mới, vấn đề đảm bảo môi trường trong sạch được đặt lên hàng đầu. Giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường đòi hỏi phải đồng bộ, toàn diện và triệt để. Xử lý môi trường đòi hỏi phải có kinh phí. Về phía Nhà nước, cần tăng chi ngân sách cho bảo vệ môi trường, thay vì 0,5% GDP như hiện nay phải tăng lên đạt 1% và cao hơn nữa là 1,5% như một số nước đang phát triển đã làm. Về phía các doanh nghiệp, cũng phải trích một phần đáng kể cho việc ngăn ngừa và xử lý môi trường, không sử dụng những công nghệ quá lạc hậu, hao tổn nhiều nguyên liệu, gây ô nhiễm môi trường. Ở nông thôn, phát triển các ngành nghề phải gắn liền với việc xử lý môi trường, trong nông nghiệp cần thực hiện một chế độ canh tác hợp lý, tránh sử dụng quá nhiều phân hóa học, trong lâm nghiệp tiếp tục phát động phong trào trồng cây gây rừng để tăng diện tích che phủ gắn với việc giao đất, giao rừng cho người dân, trong thủy sản cần xử lý tốt các chất thải, tránh gây ô nhiễm nguồn nước... Để mọi người đều có ý thức bảo vệ môi trường ngoài việc tuyên truyền, giáo dục, phải phạt thật nặng những cá nhân, những doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường, coi việc gây ô nhiễm môi trường cũng là vi phạm luật pháp, mà đã vi phạm luật pháp thì cũng phải chịu tội phạm hình sự.

- **Và cuối cùng**, nâng cao hiệu quả lãnh đạo của Chính phủ.

Để thực hiện được mô hình tăng trưởng kinh tế mới, vai trò của Chính phủ là cực kỳ quan trọng. Trước hết là cần phải thay đổi tư duy nhận thức, coi việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế là một việc làm cấp bách, nếu không thay đổi thì nền kinh tế VN không thể phát triển bền vững được, thậm chí có thể phải rơi vào tình trạng khủng hoảng vì những động lực để tạo nên một nền kinh tế tăng trưởng cao trong 2 thập niên qua nay đã đến lúc bão hòa rồi và tác động của nền kinh tế thế giới là không nhỏ, buộc chúng ta phải giành thế chủ động để đối phó với những diễn biến tiêu cực. Nếu không chuyển đổi mô hình tăng trưởng thì VN rất dễ rơi vào bẫy thu nhập trung bình như một số nước đang phát triển mà các nhà kinh tế thế giới đã cảnh báo. Muốn vậy, Chính phủ cần phải tìm mọi giải pháp để ổn định kinh tế vĩ mô, sử dụng hữu hiệu 4 nhóm công cụ mang tính chất là các chính sách, đó là: chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa, chính sách chi tiêu, và chính sách kinh tế đối ngoại. Một trong những nguyên nhân quan trọng làm cho nền kinh tế VN kém hiệu quả là nạn tham nhũng trầm trọng. Hơn ai hết, Chính

phủ cần phải có những giải pháp chống triệt để tệ nạn này. Bên cạnh đó, nền kinh tế VN bị chia cắt quá nhiều, mỗi tỉnh tồn tại như một quốc gia, thiếu tính liên kết ở mọi nơi, mọi ngành, mọi cấp lãnh đạo. Do vậy, tìm mọi cách để nâng cao trình độ liên kết, xóa bỏ đặc quyền nhóm, hướng tới lợi ích chung của quốc gia là một việc làm cấp bách đòi hỏi sự cố gắng của Chính phủ.

Tóm lại, đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế là cần thiết cho VN hiện nay. Chính vì thế mà vừa qua, tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa 13, Ủy ban Quốc hội đã đưa ra bản kiến nghị “Kinh tế VN – những vấn đề đặt ra trong trung và dài hạn”, trong đó đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế được xác định là một trong 10 nội dung quan trọng nhất. Rõ ràng cùng với tái cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng chính là chuẩn bị cho VN bước vào một giai đoạn mới, đó là giai đoạn phát triển nhanh, bền vững và tham gia có hiệu quả vào mạng sản xuất khu vực và chuỗi giá trị toàn cầu ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Hoàng Thị Chinh, “Liên kết tạo sức mạnh - Một vấn đề trọng yếu để hội nhập kinh tế quốc tế” in trong sách *Ảnh hưởng của việc gia nhập WTO đối với nền kinh tế VN*, trang 57-66, NXB Tổng hợp TP.HCM.

Hoàng Thị Chinh (10/2011), “Nhìn lại mô hình tăng trưởng kinh tế của VN giai đoạn 1990-2010 và những vấn đề đang đặt ra”, *Hội thảo khoa học Ổn định kinh tế vĩ mô và phát triển kinh tế*, TP.HCM.

Lê xuân Bá & Nguyễn Thị Tuệ Anh (2006), *Tăng trưởng kinh tế VN 15 năm (1991-2005): Từ góc độ phân tích đóng góp của các nhân tố sản xuất*, NXB Khoa học & Kỹ thuật, Hà Nội.

Nguyễn Văn Nam & Trần Thọ Đạt (2006), *Tốc độ và chất lượng tăng trưởng kinh tế ở VN*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

Thời báo kinh tế VN, *Kinh tế 2006-2007, 2010-2011: VN và thế giới*,.

Tổng cục Thống kê (2010), *Khảo sát mức sống hộ dân cư*, 29/6/2011.

Tổng cục Thống kê, *Niên giám Thống kê 1995, 2000, 2005, 2009*, NXB Thống kê.

World Economic Forum, *The Global Competitiveness Report 2010 -2011*© 2010.